

Số: /KH-UBND

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH
Thực hiện công tác dân số năm 2026
trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

Thực hiện Công văn số 1097/BYT-CDS ngày 14/02/2026 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn thực hiện công tác dân số năm 2026; Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 19/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kiện toàn tổ chức bộ máy, mạng lưới, cơ chế phối hợp liên ngành và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ làm công tác dân số và phát triển đến năm 2030; Kế hoạch số 117/KH-UBND ngày 01/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện công tác dân số năm 2026, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Khuyến khích các cặp vợ chồng, cá nhân sinh đủ hai con; duy trì tỷ số giới tính khi sinh ở mức cân bằng tự nhiên; nâng cao chất lượng dân số, chất lượng nguồn nhân lực; tăng cường chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, chủ động thích ứng với già hóa dân số.

2. Chỉ tiêu cụ thể

2.1. Chỉ tiêu cơ bản

- Tuổi thọ trung bình (tính từ lúc sinh): tối thiểu 75,5 tuổi;
- Tỷ số giới tính khi sinh: dưới 109 bé trai/100 bé gái sinh ra sống;
- Tổng tỷ suất sinh: 1,72 – 2,1 con/phụ nữ.

2.2. Chỉ tiêu chuyên môn

- Mức sinh: tăng 0,4‰ so với năm 2025;
- Tỷ số giới tính khi sinh: không tăng so với năm 2025;
- Tổng số người mới sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại trong năm: 232.670 người;
- Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát (sàng lọc trước sinh): 73%;
- Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát (sàng lọc sơ sinh): 73%;

- Tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn: 64%;

- Tỷ lệ người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 01 lần/năm: 82%.

2.3. Chỉ tiêu cấp xã

Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện công tác dân số nhằm đạt các chỉ tiêu.

Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện thể chế, chính sách

Tiếp tục thực hiện các quy định về mức hỗ trợ cộng tác viên dân số và chính sách khen thưởng tập thể, cá nhân trong công tác dân số; Nghị quyết số 45/2025/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp về quy định nội dung và mức hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách dân số cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật, người lao động có thu nhập thấp giai đoạn 2026 - 2030.

Tham mưu trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các nội dung tại khoản 3 Điều 14 và khoản 5 Điều 27 Luật Dân số năm 2025.

2. Bảo đảm mức sinh thay thế

Xây dựng, ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế theo Quyết định số 291/QĐ-TTg ngày 13/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ.

Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về duy trì mức sinh thay thế; phổ biến Hướng dẫn số 15-HD/UBKTTW ngày 20/3/2025 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về sửa đổi, bổ sung Hướng dẫn số 05-HD/UBKTTW ngày 22/11/2022 về thực hiện một số điều trong Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị về không xem xét xử lý đối với trường hợp sinh con thứ ba trở lên.

Vận động mỗi cặp vợ chồng, cá nhân sinh đủ hai con, nuôi dạy con tốt; nam, nữ thanh niên không kết hôn muộn, không sinh con muộn; lồng ghép cung cấp dịch vụ khám sức khỏe trước khi kết hôn, sàng lọc ung thư tại cộng đồng và các dịch vụ khác với kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản.

Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số theo Nghị định số 39/2015/NĐ-

CP và các quy định hiện hành; khen thưởng, hỗ trợ kịp thời phụ nữ sinh đủ 02 con trước tuổi 35.

Bảo đảm cấp đủ phương tiện tránh thai miễn phí cho các đối tượng theo Nghị quyết số 45/2025/NQ-HĐND; chỉ đạo cộng tác viên dân số rà soát, bổ sung danh sách và tổ chức cấp phát phương tiện tránh thai, chú ý người tạm trú là công nhân, người lao động tại các cơ quan, doanh nghiệp đóng trên địa bàn.

Tổ chức truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản và nâng cao chất lượng dân số phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương.

3. Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình

Tiếp tục thực hiện Quyết định số 1848/QĐ-TTg ngày 19/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030; Quyết định số 134/QĐ-BYT ngày 19/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Phiếu giám sát tình hình cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình của trạm y tế xã.

Bổ sung thiết bị y tế phục vụ dịch vụ kế hoạch hóa gia đình; nâng cấp cơ sở vật chất kho bảo quản phương tiện tránh thai và mạng lưới cơ sở cung cấp dịch vụ phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, ưu tiên địa bàn khó khăn.

Duy trì vận hành ổn định Hệ thống thông tin quản lý hậu cần phương tiện tránh thai; tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về quản lý hậu cần và quản lý đối tượng.

Linh hoạt cung cấp dịch vụ lâm sàng tại cơ sở y tế và phi lâm sàng qua mạng lưới cộng tác viên dân số; huy động cấp phát phương tiện tránh thai phi lâm sàng tại nhà cho đối tượng có nhu cầu.

Tổ chức cung cấp dịch vụ thường xuyên và chiến dịch khám lưu động tại cộng đồng, chú trọng gói khám phụ khoa, dự phòng vô sinh; ưu tiên đối tượng khó tiếp cận, địa bàn trọng điểm, khu công nghiệp, khu kinh tế; phát triển loại hình dịch vụ thân thiện với vị thành niên, thanh niên.

Triển khai các mô hình hỗ trợ sinh sản; can thiệp, điều trị sớm các nguyên nhân vô sinh tại cộng đồng; dự phòng, tầm soát vô sinh cho nhóm dân số trẻ; can thiệp giảm phá thai ở vị thành niên, thanh niên theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

4. Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh

Đẩy mạnh truyền thông, giáo dục chuyển đổi nhận thức và hành vi về kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh; lồng ghép nội dung này vào chương

trình giáo dục cho học sinh phổ thông, chương trình đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý và đưa vào quy ước của tổ dân phố, ấp, khu phố, khóm.

Phổ biến, giáo dục pháp luật và nâng cao hiệu lực thực thi các quy định nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi.

Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh cho công chức, viên chức y tế - dân số và người cung cấp dịch vụ có liên quan.

5. Mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh

Tiếp tục thực hiện Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030.

Tổ chức triển khai sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh miễn phí theo Nghị quyết số 45/2025/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Vận động thanh niên tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn, không tảo hôn, không kết hôn cận huyết; vận động phụ nữ mang thai tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh; trẻ sơ sinh được tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh bẩm sinh.

Về dịch vụ sàng lọc trước sinh và sơ sinh:

- Duy trì kỹ thuật sàng lọc trước sinh và sơ sinh tại các cơ sở y tế; mở rộng sàng lọc đủ mặt bệnh thuộc gói dịch vụ cơ bản theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Phối hợp với đơn vị liên quan tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực: kỹ thuật siêu âm, sàng lọc, chẩn đoán; chuyển giao kỹ thuật sàng lọc trước sinh bằng xét nghiệm máu mẹ; kỹ thuật lấy mẫu máu gót chân trẻ sơ sinh; chuyển giao kỹ thuật sàng lọc sơ sinh các bệnh thuộc gói cơ bản và mở rộng.

- Vận động, tư vấn đối tượng tham gia sàng lọc; tổng hợp, theo dõi đối tượng và định kỳ báo cáo kết quả về cấp có thẩm quyền.

Về dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn:

- Duy trì câu lạc bộ tiền hôn nhân tại cộng đồng và sinh hoạt ngoại khóa tại các cơ sở giáo dục.

- Đẩy mạnh truyền thông, tư vấn cộng đồng thông qua cộng tác viên dân số; cung cấp dịch vụ tại các khu công nghiệp, khu kinh tế.

- Đào tạo, tập huấn kiến thức, kỹ năng chuyên môn; tổ chức cung cấp dịch vụ theo phân tuyến kỹ thuật; kiểm tra, giám sát và hỗ trợ cung cấp dịch vụ.

Phổ biến giáo dục pháp luật về cấm tảo hôn, hôn nhân cận huyết; vận động thanh niên không tảo hôn, không kết hôn cận huyết thống.

6. Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi

Tiếp tục thực hiện Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 13/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030.

Tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng; cung cấp kiến thức, kỹ năng tự chăm sóc sức khỏe; duy trì, phát triển Câu lạc bộ Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi và Câu lạc bộ Liên thế hệ; phát triển mạng lưới tình nguyện viên chăm sóc người cao tuổi.

Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người cao tuổi; tổ chức Chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ khám sức khỏe định kỳ, sàng lọc một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi và lập hồ sơ theo dõi sức khỏe ở các xã vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

Tập huấn, hướng dẫn chuyên môn về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi và thích ứng với già hóa dân số.

Lồng ghép nội dung chăm sóc sức khỏe người cao tuổi vào chương trình giảng dạy cơ sở giáo dục chính trị để nâng cao sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền địa phương.

Triển khai các mô hình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại nhà, tại cộng đồng và trung tâm dưỡng lão; ứng dụng công nghệ thông tin trong dịch vụ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

7. Truyền thông Dân số

Tiếp tục thực hiện Quyết định số 537/QĐ-TTg ngày 17/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Truyền thông Dân số đến năm 2030.

Tăng cường quán triệt việc thực hiện chính sách dân số là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, mỗi cá nhân, gia đình và toàn xã hội.

Đa dạng hóa hình thức truyền thông; ưu tiên phát triển các loại hình truyền thông số, truyền thông xã hội (Fanpage, Zalo OA, YouTube, TikTok...); tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ truyền thông cơ sở; xây dựng, triển khai các mô hình truyền thông số, truyền thông xã hội về dân số.

Ưu tiên truyền thông, vận động: mỗi cặp vợ chồng nên sinh đủ hai con; giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh; thích ứng với già hóa dân số; tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; nâng cao chất lượng dân số. Chú trọng truyền thông phù hợp với từng

nhóm đối tượng: vị thành niên, thanh niên; người trong độ tuổi sinh đẻ; người cao tuổi; người dân tộc thiểu số; người lao động khu công nghiệp;

Tổ chức các hoạt động tuyên truyền hưởng ứng Ngày Thalassemia Thế giới, Ngày Dân số Thế giới, Ngày Tránh thai Thế giới, Ngày Quốc tế Người cao tuổi, Ngày Quốc tế Trẻ em gái, Tháng hành động quốc gia về Dân số và Ngày Dân số Việt Nam.

Cung cấp các bản tin, tờ rơi, sách mỏng, báo cáo tổng hợp về dân số và phát triển; xây dựng, phát sóng các chương trình chuyên đề và đưa tin thường xuyên về dân số.

Duy trì, đẩy mạnh hoạt động truyền thông, tư vấn trực tiếp của đội ngũ cộng tác viên dân số.

8. Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số

Tiếp tục thực hiện Quyết định số 2259/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030.

Triển khai thu thập thông tin vào sổ A0 và cập nhật vào kho dữ liệu chuyên ngành dân số; tổng hợp, phân tích, lập báo cáo thống kê chuyên ngành dân số phục vụ chỉ đạo, điều hành;

Rà soát, đối chiếu dữ liệu trong kho dữ liệu chuyên ngành dân số; kiểm tra, giám sát, thẩm định thông tin số liệu chuyên ngành;

Duy trì, vận hành, quản trị, khai thác kho dữ liệu chuyên ngành dân số; tổ chức tập huấn sử dụng phần mềm Hệ thống thông tin chuyên ngành dân số cho cán bộ dân số cấp xã.

9. Tổ chức bộ máy, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ làm công tác dân số

Triển khai Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 19/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kiện toàn tổ chức bộ máy, mạng lưới, cơ chế phối hợp liên ngành và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ làm công tác dân số và phát triển đến năm 2030.

Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ công chức, viên chức làm công tác dân số các cấp và cộng tác viên dân số đáp ứng yêu cầu công tác dân số trong tình hình mới.

Bảo đảm 100% cộng tác viên dân số được tập huấn kiến thức về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về dân số, kỹ năng truyền thông vận động, quản lý đối tượng.

10. Chương trình mục tiêu quốc gia

Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035 trên địa bàn tỉnh sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

III. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ngân sách nhà nước được bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành, bố trí trong dự toán chi ngân sách hằng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ thực hiện mục tiêu y tế - dân số, theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

2. Nguồn kinh phí từ Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035 (khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt và bố trí).

3. Nguồn vốn huy động hợp pháp khác, bao gồm nguồn xã hội hóa, tài trợ, viện trợ và các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để hỗ trợ thực hiện công tác dân số.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; lồng ghép với các chương trình, kế hoạch có liên quan nhằm bảo đảm đồng bộ, hiệu quả.

Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Định kỳ tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện; tham mưu báo cáo, Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Y tế theo quy định; tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch.

2. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương, phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Hướng dẫn quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định của pháp luật.

3. Các sở, ngành tỉnh có liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động phối hợp với Sở Y tế tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu liên quan vào chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của ngành, lĩnh vực.

4. Đề nghị Báo và phát thanh, truyền hình Đồng Tháp

Phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị liên quan tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về dân số và phát triển; bố trí thời lượng phát sóng, tin, bài, chuyên trang, chuyên mục phù hợp.

5. Ủy ban nhân dân các xã, phường

Chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch trên địa bàn; căn cứ chỉ tiêu được giao, xây dựng kế hoạch công tác dân số năm 2026 phù hợp tình hình thực tế địa phương.

Chỉ đạo trạm y tế và các đơn vị liên quan rà soát, bố trí nhân lực thực hiện công tác dân số; phối hợp triển khai các hoạt động nhằm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

Chủ động bố trí kinh phí theo phân cấp ngân sách và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện các chương trình, đề án, kế hoạch về công tác dân số đã được phê duyệt./

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Các cơ quan, đơn vị tại Mục V;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (Trung).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Huỳnh Minh Tuấn

Phụ lục I
CHỈ TIÊU DÂN SỐ NĂM 2026 TẠI CẤP XÃ
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh)

STT	Nội dung	ĐVT	Chỉ tiêu năm 2026
1	Tỷ suất sinh thô	‰	10,71 - 15,4
2	Tỷ suất tử thô	‰	≤ 6
3	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	0,6 - 0,9
4	Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát (sàng lọc trước sinh)	%	73
5	Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát (sàng lọc sơ sinh)	%	73
6	Tỷ lệ người cao tuổi khám sức khỏe định kỳ ít nhất 01 lần/năm	%	82
7	Tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn	%	64

Phụ lục II
CHỈ TIÊU SỐ NGƯỜI MỚI THỰC HIỆN
BIỆN PHÁP TRÁNH THAI HIỆN ĐẠI TRONG NĂM 2026
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh)

STT	Đơn vị hành chính	Phụ nữ 15 - 49 tuổi có chồng (người)	Tổng số người mới sử dụng biện pháp tránh thai	Dụng cụ tử cung	Thuốc cấy tránh thai	Thuốc tiêm tránh thai	Viên uống tránh thai	Bao cao su
1	Phường Đạo Thạnh	9.036	3.497	42	6	150	2.217	1.082
2	Phường Mỹ Tho	6.081	2.353	28	4	101	1.492	728
3	Phường Thới Sơn	3.908	1.512	18	2	65	959	468
4	Phường Mỹ Phong	8.600	3.328	40	5	143	2.110	1.030
5	Phường Trung An	9.032	3.496	42	6	150	2.216	1.082
6	Xã Cái Bè	7.339	2.841	34	5	122	1.801	879
7	Xã Hậu Mỹ	5.270	2.040	25	3	88	1.293	631
8	Xã Mỹ Thiện	3.894	1.506	18	2	65	955	466
9	Xã Hội Cư	6.723	2.602	31	4	112	1.650	805
10	Xã Mỹ Đức Tây	4.854	1.879	23	3	81	1.191	581
11	Xã Mỹ Lợi	4.888	1.891	23	3	81	1.199	585
12	Xã Thanh Hưng	5.695	2.205	27	4	95	1.397	682
13	Xã An Hữu	6.221	2.407	29	4	103	1.526	745
14	Xã Thạnh Phú	3.892	1.506	18	2	65	955	466
15	Xã Mỹ Thành	5.019	1.941	23	3	83	1.231	601
16	Xã Bình Phú	6.359	2.462	30	4	106	1.560	762
17	Xã Hiệp Đức	4.702	1.820	22	3	78	1.154	563
18	Xã Long Tiên	5.933	2.298	28	4	99	1.456	711
19	Xã Ngũ Hiệp	5.891	2.280	27	4	98	1.445	706
20	Xã Châu Thành	7.947	3.076	37	5	132	1.950	952

STT	Đơn vị hành chính	Phụ nữ 15 - 49 tuổi có chồng (người)	Tổng số người mới sử dụng biện pháp tránh thai	Dụng cụ tử cung	Thuốc cấy tránh thai	Thuốc tiêm tránh thai	Viên uống tránh thai	Bao cao su
21	Xã Tân Hương	7.134	2.760	33	4	119	1.750	854
22	Xã Long Hưng	6.689	2.588	31	4	111	1.641	801
23	Xã Long Định	7.367	2.852	34	5	123	1.808	882
24	Xã Bình Trung	5.342	2.068	25	3	89	1.311	640
25	Xã Vĩnh Kim	4.344	1.681	20	3	72	1.066	520
26	Xã Kim Sơn	4.514	1.748	21	3	75	1.108	541
27	Xã Chợ Gạo	4.435	1.717	21	3	74	1.088	531
28	Xã Mỹ Tịnh An	5.787	2.240	27	4	96	1.420	693
29	Xã Lương Hòa Lạc	4.999	1.935	23	3	83	1.227	599
30	Xã Tân Thuận Bình	5.657	2.189	26	3	94	1.388	678
31	Xã An Thạnh Thủy	5.512	2.133	26	3	92	1.352	660
32	Xã Bình Ninh	4.810	1.861	22	3	80	1.180	576
33	Phường Sơn Qui	5.616	2.173	26	3	93	1.378	673
34	Phường Long Thuận	2.734	1.058	13	2	45	671	327
35	Phường Gò Công	3.239	1.254	15	2	54	795	388
36	Phường Bình Xuân	4.351	1.684	20	3	72	1.068	521
37	Xã Tân Hòa	4.066	1.575	19	3	68	998	487
38	Xã Gia Thuận	6.728	2.604	31	4	112	1.651	806
39	Xã Tân Đông	6.595	2.553	31	4	110	1.618	790
40	Xã Tân Điền	2.819	1.092	13	2	47	692	338
41	Xã Gò Công Đông	4.597	1.779	21	3	76	1.128	551
42	Xã Tân Phước 1	1.927	746	9	1	32	473	231
43	Xã Tân Phước 2	1.459	565	7	1	24	358	175
44	Xã Hưng Thạnh	4.667	1.807	22	3	78	1.145	559
45	Xã Tân Phước 3	3.441	1.331	16	2	57	844	412

STT	Đơn vị hành chính	Phụ nữ 15 - 49 tuổi có chồng (người)	Tổng số người mới sử dụng biện pháp tránh thai	Dụng cụ tử cung	Thuốc cấy tránh thai	Thuốc tiêm tránh thai	Viên uống tránh thai	Bao cao su
46	Phường Mỹ Phước Tây	5.327	2.062	25	3	89	1.307	638
47	Phường Thanh Hòa	2.554	989	12	2	42	627	306
48	Phường Cai Lậy	4.389	1.699	20	3	73	1.077	526
49	Xã Tân Phú	4.374	1.693	20	3	73	1.073	524
50	Phường Nhị Quý	3.787	1.466	18	2	63	929	454
51	Xã Vĩnh Bình	5.264	2.038	25	3	88	1.292	630
52	Xã Đồng Sơn	5.261	2.037	25	3	88	1.291	630
53	Xã Phú Thành	3.426	1.326	16	2	57	841	410
54	Xã Vĩnh Hựu	3.163	1.225	15	2	53	776	379
55	Xã Long Bình	3.847	1.489	18	2	64	944	461
56	Xã Tân Thới	4.373	1.693	20	3	73	1.073	524
57	Xã Tân Phú Đông	3.207	1.241	15	2	53	787	384
58	Phường Cao Lãnh	21.879	8.467	102	13	364	5.368	2.620
59	Phường Mỹ Ngãi	8.361	3.235	39	5	139	2.051	1.001
60	Phường Mỹ Trà	7.701	2.980	36	5	128	1.889	922
61	Phường Sa Đéc	16.595	6.423	77	10	276	4.072	1.988
62	Xã Hòa Long	8.926	3.454	42	5	148	2.190	1.069
63	Xã Tân Dương	7.864	3.044	37	5	131	1.929	942
64	Xã Lai Vung	11.118	4.304	52	7	185	2.728	1.332
65	Phường An Bình	5.797	2.243	27	4	96	1.422	694
66	Phường Hồng Ngự	8.507	3.293	40	5	142	2.087	1.019
67	Xã Thường Phước	9.606	3.718	45	6	160	2.357	1.150
68	Phường Thường Lạc	6.393	2.475	30	4	106	1.569	766
69	Xã Long Khánh	4.291	1.661	20	3	71	1.053	514
70	Xã Long Phú Thuận	9.823	3.801	46	6	163	2.410	1.176

STT	Đơn vị hành chính	Phụ nữ 15 - 49 tuổi có chồng (người)	Tổng số người mới sử dụng biện pháp tránh thai	Dụng cụ tử cung	Thuốc cấy tránh thai	Thuốc tiêm tránh thai	Viên uống tránh thai	Bao cao su
71	Xã An Hòa	3.005	1.163	14	2	50	737	360
72	Xã Tân Hồng	7.743	2.997	36	5	129	1.900	927
73	Xã Tân Hộ Cơ	4.505	1.744	21	3	75	1.105	540
74	Xã Tân Thành	7.039	2.724	33	4	117	1.727	843
75	Xã An Phước	4.698	1.819	22	3	78	1.153	563
76	Xã Tràm Chim	3.476	1.345	16	2	58	853	416
77	Xã Tam Nông	3.059	1.184	14	2	51	751	366
78	Xã Tháp Mười	6.540	2.531	30	4	109	1.605	783
79	Xã Phương Thịnh	3.266	1.263	15	2	54	801	391
80	Xã Trường Xuân	2.982	1.155	14	2	50	732	357
81	Xã Mỹ Quý	5.001	1.935	23	3	83	1.227	599
82	Xã Đốc Bình Kiều	4.126	1.597	19	3	69	1.012	494
83	Xã Thanh Mỹ	5.292	2.048	25	3	88	1.298	634
84	Xã Phú Cường	3.438	1.331	16	2	57	844	412
85	Xã Mỹ Thọ	7.812	3.024	36	5	130	1.917	936
86	Xã Ba Sao	4.471	1.730	21	3	74	1.097	535
87	Xã Phong Mỹ	4.888	1.891	23	3	81	1.199	585
88	Xã Mỹ Hiệp	5.609	2.170	26	3	93	1.376	672
89	Xã Bình Hàng Trung	6.351	2.459	30	4	106	1.558	761
90	Xã An Long	6.169	2.389	29	4	103	1.514	739
91	Xã Phú Thọ	4.209	1.630	20	3	70	1.033	504
92	Xã Thanh Bình	6.891	2.667	32	4	115	1.691	825
93	Xã Tân Long	9.265	3.586	43	6	154	2.273	1.110
94	Xã Tân Thạnh	4.510	1.746	21	3	75	1.107	540
95	Xã Bình Thành	4.348	1.683	20	3	72	1.067	521

STT	Đơn vị hành chính	Phụ nữ 15 - 49 tuổi có chồng (người)	Tổng số người mới sử dụng biện pháp tránh thai	Dụng cụ tử cung	Thuốc cấy tránh thai	Thuốc tiêm tránh thai	Viên uống tránh thai	Bao cao su
96	Xã Lập Vò	11.486	4.445	53	7	191	2.818	1.376
97	Xã Mỹ An Hưng	8.556	3.311	40	5	142	2.099	1.025
98	Xã Tân Khánh Trung	7.364	2.850	34	5	122	1.807	882
99	Xã Phong Hòa	9.274	3.588	43	5	154	2.275	1.111
100	Xã Phú Hựu	6.872	2.658	32	3	115	1.685	823
101	Xã Tân Nhuận Đông	6.462	2.498	30	3	108	1.584	773
102	Xã Tân Phú Trung	6.518	2.520	30	3	109	1.598	780
Cộng		601.171	232.670	2.800	370	10.000	147.500	72.000